

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Kết luận số 36-KL/TW, ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị
về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Kết luận số 36-KL/TW); Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW như sau:

I. TÌNH HÌNH

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hà Nội có rất nhiều công trình thủy lợi, bao gồm 1.970 trạm bơm; 104 hồ chứa nước thủy lợi, 378 đập dâng nước thủy lợi; gần 5.800 tuyến sông, kênh các loại với tổng chiều dài gần 5.700 km. Trong những năm qua, Thành phố đã dành nhiều nguồn lực để đầu tư, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi. Tuy nhiên, trước diễn biến cực đoan của thời tiết và tình hình biến đổi khí hậu, tình trạng hạ thấp mực nước trên các tuyến sông, tình trạng ô nhiễm nguồn nước đã có ảnh hưởng rất lớn đến an ninh nguồn nước. Thành phố đã quan tâm đến công tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước, trong đó các hồ chứa loại lớn và vừa đã cơ bản được phê duyệt quy trình vận hành; 100% các hồ chứa nước loại lớn được xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, hồ chứa nước; công tác kiểm định an toàn đập được thực hiện định kỳ theo quy định. Trên toàn Thành phố đã có 105 tuyến sông, kênh với chiều dài 799 km được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ trên tổng số gần 580 tuyến sông, kênh với chiều dài gần 1.500 km phải cấm mốc chỉ giới theo quy định; là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc bảo vệ, phòng chống vi phạm, đảm bảo an ninh nguồn nước. Tuy nhiên, toàn bộ các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn Thành phố và hầu hết các tuyến kênh chưa được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ theo quy định. Vì vậy, tình trạng vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi diễn ra rất nghiêm trọng, đặc biệt tại các hồ chứa thủy lợi, các tuyến kênh trên địa bàn đô thị. Một số hồ chứa nước xuống cấp, chưa được đầu tư cải tạo, sửa chữa. Thành phố hiện còn khoảng gần 8.000 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào nguồn nước xả bổ sung từ các hồ thủy điện vào vụ xuân. Từ đó, có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

Tổng công suất nguồn cấp nước từ các nhà máy nước tập trung trên địa bàn Thành phố hiện nay đạt trên 1.530.000 m³/ngày đêm, bao gồm khai thác từ các nguồn nước mặt sông Đà, sông Hồng, sông Đuống và nguồn nước ngầm. Hiện có 02 dự án đang triển khai là Nhà máy Nước mặt Sông Đà giai đoạn hai nâng công suất từ

300.000 m³/ngày đêm lên 600.000 m³/ngày đêm, Nhà máy Nước mặt sông Hồng giai đoạn một công suất 300.000 m³/ngày đêm.

Trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện có 06 nhà máy/trạm xử lý nước thải đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành chủ yếu tập trung tại vùng đô thị trung tâm phía Nam sông Hồng - lưu vực Tô Lịch và một phần lưu vực Tả Nhuệ với tổng công suất 276.300 m³/ngày đêm. Các nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố được vận hành đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý theo yêu cầu tại Giấy phép xả thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Nguồn nước mặt trên địa bàn Thành phố chủ yếu được cung cấp từ hệ thống sông Hồng - Thái Bình; chịu sự điều tiết trực tiếp từ hệ thống vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng; nhìn chung Hà Nội không phải là khu vực căng thẳng về lưu lượng nước mặc dù những năm gần đây mực nước trên sông Hồng liên tục bị hạ thấp. Tuy nhiên, đối với hệ thống sông có các nhà máy cấp nước sinh hoạt lớn cho nhân dân Thủ đô cần có sự giám sát chặt chẽ về chất lượng nước vì đây là những sông liên tỉnh, liên quốc gia. Các sông nội thành bị suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng như sông Nhuệ, sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét, sông Kim Ngưu, sông Cầu Báy v.v.. do tiếp nhận nước thải sinh hoạt, sản xuất và chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung kịp thời.

Thành phố hiện quản lý vận hành ổn định, liên tục hệ thống 35 trạm quan trắc không khí tự động, 06 trạm quan trắc nước mặt, 01 trạm quan trắc nước rác, 01 xe quan trắc không khí lưu động, 137 công trình quan trắc động thái nước dưới đất. Các giếng quan trắc nằm tại địa bàn Hà Nội cũ, khu vực Hà Nội mở rộng hiện chưa có các công trình quan trắc nước ngầm. Mạng lưới quan trắc hiện vẫn còn hạn chế, các công trình quan trắc tự ghi còn ít, chưa được áp dụng công nghệ thông tin. Ngoài ra còn tiếp nhận, giám sát dữ liệu của 06 trạm quan trắc nước dưới đất, 37 trạm quan trắc nước thải, 02 trạm quan trắc khí thải của các khu, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ lớn, 06 trạm quan trắc nước sạch.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phổ biến, quán triệt sâu rộng Kết luận số 36-KL/TW; nâng cao nhận thức, phát huy ý thức trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu của các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cơ sở, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ Thành phố và nhân dân Thủ đô về bản chất và các vấn đề cơ bản của an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; phát huy tối đa các nguồn lực, quyết tâm đổi mới tư duy và hành động nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Yêu cầu

Bám sát nội dung Kết luận số 36-KL/TW, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp, các ngành phải chú trọng công tác phối hợp, chỉ đạo, hướng dẫn; thường xuyên theo dõi,

đánh giá, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện đề đôn đốc, tháo gỡ, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm nhằm đạt kết quả cao nhất.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý. Chủ động tích trữ, điều hoà, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Đến năm 2025*: 100% hộ gia đình ở thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, từ hệ thống cấp nước tập trung và cấp nước cụm hộ tại những khu vực không thể kết nối với hệ thống cấp nước tập trung; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất, đặc biệt là các lưu vực phụ thuộc vào nguồn nước xả bỏ sung từ các hồ thủy điện. Cơ bản sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các đập, hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng chống lũ theo thiết kế; cải tạo, nâng cấp các công trình lấy nước dọc sông Đà, sông Hồng, sông Đuống đảm bảo không phụ thuộc nguồn nước xả tăng cường từ các hồ thủy điện vào vụ xuân hàng năm. Hoàn thành giai đoạn một dự án Tiếp nước, cải tạo sông Tích; hoàn thành dự án Nhà máy Xử lý nước thải Yên Xá; khởi công Dự án trạm bơm Liên Mạc giai đoạn một để cấp nước, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường cho sông Nhuệ; nghiên cứu giải pháp cấp nước làm sống lại dòng sông Đáy. Bước đầu khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng tại một số lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi lớn như sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét, sông Kim Ngưu, sông Nhuệ, sông Cầu Bấy, sông Đáy. Hoàn thành việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ các hồ chứa nước loại lớn và vừa; cơ bản các hồ chứa nước loại lớn và vừa có đường quản lý lòng hồ; các tuyến kênh cơ bản được cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ theo quy định. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước. Hoàn thành việc rà soát, xây dựng quy trình vận hành, bản đồ ngập lụt các hồ chứa nước; 100% hồ chứa nước được kiểm định an toàn đập định kỳ, phê duyệt phương án phòng chống thiên tai, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp theo quy định. Hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt phương án bảo vệ hồ chứa nước; cơ bản các công trình thủy lợi còn lại được xây dựng và phê duyệt phương án bảo vệ.

- *Đến năm 2030*: Duy trì bảo đảm 100% hộ gia đình ở thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, từ hệ thống cấp nước tập trung và cấp nước cụm hộ tại những khu vực không thể kết nối với hệ thống cấp nước tập trung. Giải quyết căn bản nước sinh hoạt cho các địa bàn khu vực có các bãi xử lý rác của Thành

phổ. Cơ bản hoàn thành giải pháp làm sống lại dòng sông Đáy; hoàn thành Dự án trạm bơm Liên Mạc giai đoạn 1. Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống lũ. Cơ bản khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng tại một số lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi lớn như sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét, sông Kim Ngưu, sông Nhuệ, sông Cầu Bấy, sông Đáy. Hoàn thiện xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước theo hướng thông minh, hiện đại. Hoàn thành việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định; xây dựng và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

- *Đến năm 2045*: Chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm 100% các hộ gia đình ở thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; dự báo, cảnh báo dài hạn để xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; kiểm soát và khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi; hoàn thiện chính sách về nước đồng bộ, thống nhất, bảo đảm an ninh nguồn nước.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới

- Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để nâng cao nhận thức và tham gia của các cấp lãnh đạo, người dân và toàn xã hội về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước, về tài nguyên nước, thủy lợi, nước sạch, phòng, chống thiên tai. Phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan trong việc chủ động tích trữ, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; nhân rộng, phổ biến những cách làm hay, những mô hình hiệu quả trong quản lý, khai thác công trình hồ, đập.

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, kết hợp phương thức truyền thống với tuyên truyền qua mạng xã hội; lồng ghép vào một số chương trình giảng dạy.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến nước theo hướng quản lý nhu cầu, xã hội hóa, chuyển đổi số, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, tăng cường phân cấp, giảm thủ tục hành chính, công khai minh bạch; huy động nguồn lực, tạo điều kiện, động lực cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng ngành nước, xử lý nước thải; xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích người dân sử dụng nước tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng nước, tái sử dụng nước, bảo vệ môi trường nước.

- Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng ngành nước; phòng, chống thiên tai, giám sát, bảo vệ chất lượng nước; duy trì dòng chảy tối thiểu; cấp nước an toàn, hiệu quả; xây dựng quy trình xác định lượng nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước và cơ chế chia sẻ nguồn nước công bằng ở cấp lưu vực, cấp địa phương, tiến tới quy định hạn mức nước cho từng đối tượng sử dụng.

- Rà soát, xây dựng hoàn chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích xây dựng công trình chuyển nước, trữ nước, cấp nước sinh hoạt, góp phần bảo đảm cân đối được nguồn nước ngọt ở quy mô từng hộ, thôn/xóm, xã, huyện, đặc biệt cho vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước.

- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý theo hướng thống nhất quản lý tài nguyên nước.

3. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thủy lợi, tài nguyên nước và điều tra cơ bản, đánh giá trữ lượng nguồn nước

- Xây dựng kịch bản phát triển, giải quyết các tác động cực đoan về hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, bảo vệ môi trường nước.

- Rà soát phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thuộc Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư theo quy hoạch; đánh giá thực hiện quy hoạch; quy hoạch hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị, điểm dân cư nông thôn tập trung.

- Triển khai điều tra cơ bản thủy lợi, nguồn nước phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định. Theo dõi, giám sát chặt chẽ nguồn nước, kịp thời phát hiện xử lý những vấn đề bất thường về lưu lượng, mực nước, chất lượng của nguồn nước.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ dữ liệu về hoạt động quy hoạch, nguồn nước, công trình thủy lợi phục vụ quản lý hiệu quả nguồn nước và đáp ứng yêu cầu chính quyền số.

- Tiếp tục rà soát, triển khai xây dựng danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; điều tra, khoanh định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất; xây dựng, ban hành danh mục nguồn nước trong thành phố Hà Nội; điều tra cơ bản tài nguyên nước; ban hành danh mục ao hồ không được san lấp trên địa bàn Thành phố.

4. Chủ động tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội

- Tổ chức lại các ngành sản xuất, nhất là đối với sản xuất nông nghiệp bảo đảm phù hợp với điều kiện nguồn nước ở từng vùng, địa phương; đặc biệt tại các khu vực phụ thuộc nguồn xả nước bổ sung từ các hồ thủy điện.

- Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lại thời vụ, diện tích, giống cây trồng, vật nuôi theo định hướng chuỗi giá trị của các nhóm sản phẩm chủ lực, phù hợp với điều kiện nguồn nước của từng vùng, miền, địa phương, lưu vực sông, hệ thống thủy lợi; nghiên cứu phát triển các giống cây trồng, vật nuôi sử dụng ít nước, có khả năng chịu hạn cao; khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ưu tiên cung cấp nước cho sinh hoạt, chăn nuôi, cây trồng lâu năm có giá trị kinh tế cao.

- Điều hòa, phân phối nguồn nước từ các công trình thủy lợi cho các nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả cho sản xuất, sinh hoạt. Ưu tiên nguồn cấp nước sinh hoạt từ các công trình hồ chứa, đập dâng thủy lợi.

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, đặc biệt đối với các hoạt động có nhu cầu sử dụng nước cao. Tăng cường giám sát, kiểm kê nguồn nước, ứng dụng công

nghệ hiện đại, chuyển đổi số trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai, công trình hạ tầng kỹ thuật ngành nước.

- Huy động nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công tư để đầu tư, quản lý vận hành công trình hạ tầng ngành nước; quản lý, vận hành các hồ chứa nước phục vụ đa mục tiêu.

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, thành thị; hỗ trợ, trang bị thiết bị thu nước, chứa nước và xử lý nước sử dụng tại hộ gia đình đối với những vùng khó khăn về nguồn nước. Rà soát, điều chỉnh, kết nối liên thông giữa hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn và đô thị.

- Nghiên cứu giải pháp đầu tư xây dựng công trình trữ nước để giảm thiểu lũ rừng ngang lưu vực sông Bùi vào mùa mưa, bổ sung lượng nước cấp cho sản xuất, sinh hoạt vào mùa khô.

- Nghiên cứu giải pháp đầu tư xây dựng công trình trữ nước tại các điểm thường xuyên úng ngập cục bộ trong nội thành để giảm thiểu úng ngập trong thời gian có mưa, bổ sung lượng nước tưới cho cây xanh đô thị trong thời gian không có mưa.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước

- Rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, quy trình vận hành của đập, hồ chứa nước so với thiết kế ban đầu để có giải pháp nâng cấp năng lực trữ nước, ứng phó với mưa lũ cực đoan, vận hành theo thời gian thực và hướng tới phục vụ đa mục tiêu.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức, hoàn thiện hệ thống quản lý, khai thác đập, hồ chứa, công trình thủy lợi, công trình cấp nước bảo đảm quy định, nâng cao về chất lượng nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị, ứng dụng khoa học, công nghệ, hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành; quản lý, khai thác đập, hồ chứa thủy lợi đảm bảo theo quy định.

- Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho các đập, hồ chứa nước theo quy định. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các công trình đập, hồ chứa nước trên địa bàn Thành phố, kịp thời xử lý các phát sinh, vướng mắc.

- Ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để quản lý chất lượng trong thiết kế, thi công dự án sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới đập, hồ chứa nước.

- Tập trung hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa hư hỏng, xuống cấp và thiếu khả năng chống lũ, đặc biệt đối với đập, hồ chứa nước có nguy cơ mất an toàn cao.

6. Phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu

- Tăng cường năng lực cho công tác dự báo, cảnh báo nguồn nước, thiên tai theo thời gian thực, kịp thời cung cấp số liệu, chủ động trong bố trí sản xuất và sinh hoạt, hỗ trợ ra quyết định.

- Hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, cấp nước, hệ thống chống ngập đô thị, công nghiệp, khu dân cư; hệ thống quan trắc, cảnh báo, dự báo; kiểm tra, rà soát phương án hộ đê, bảo vệ các vị trí xung yếu trọng điểm.

- Bảo vệ, dành không gian thoát, chứa nước lũ, nước mưa, thoát lũ trên các dòng sông. Quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, nhất là trên các tuyến sông lớn đang bị suy thoái lòng dẫn như sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, ảnh hưởng đến khả năng lấy nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

- Đầu tư, nâng cấp hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, động đất; chú trọng nâng cấp mạng lưới trạm, điểm đo chất lượng nước.

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, xây dựng đáp ứng được yêu cầu chống chịu mưa, lũ lớn, hạn hán dài ngày, kết hợp các giải pháp chủ động ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai bất lợi; tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông.

- Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng thiết yếu kết hợp sơ tán dân, đường cứu hộ, cứu nạn; xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các dự án di dân khu vực chậm lũ, sạt lở đất.

7. Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ mới, từng bước thực hiện chuyển đổi số để chủ động ứng phó với thiên tai liên quan đến nước và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung vào các giải pháp phục vụ hiện đại hóa quản lý, khai thác hiệu quả hạ tầng ngành nước; bảo vệ môi trường nước.

- Tăng cường nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, tuần hoàn, tái sử dụng nước, tăng năng suất nước; đẩy mạnh áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên diện rộng; phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước thông minh đô thị. Hướng tới vận hành các hồ chứa thủy lợi theo thời gian thực; công nghệ trữ nước phân tán, liên kết, sử dụng nước từ hồ chứa phục vụ sinh hoạt và sản xuất vùng núi; phát triển giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn, sử dụng ít nước.

- Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ, công cụ, phương pháp tiên tiến, hiện đại trong xây dựng, quan trắc công trình, kiểm tra, kiểm định, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước và các công trình ngành nước khác để nâng cao mức đảm bảo an toàn; nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động của các hoạt động ảnh hưởng đến dòng chảy đến, bồi lắng lòng hồ, an toàn đập, hồ chứa nước.

8. Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải; đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu và lộ trình giảm xả thải vào môi trường nước mặt, vào công trình thủy lợi không còn khả năng chịu tải; phục hồi các dòng sông, nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng; hoàn thành việc công bố, kiểm

soát dòng chảy tối thiểu trên các sông, kênh và hạ lưu các hồ chứa; tăng cường lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Tăng cường tỷ lệ đầu nổi nước thải từ hộ gia đình, cơ sở sản xuất đến hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ việc thu gom, xử lý nước thải, quan trắc, giám sát nước thải, đặc biệt đối với các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm; tăng cường tỷ lệ tái sử dụng nước thải sau xử lý.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt và bảo vệ môi trường nước dưới đất; thực hiện các biện pháp kiểm soát, hạn chế khai thác nước dưới đất, triển khai chương trình phục hồi, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; tăng cường bảo vệ hệ sinh thái đất ngập nước và hệ sinh thái thủy sinh, rừng và các nguồn sinh thủy; ưu tiên thực hiện đối với các lưu vực sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét, sông Kim Ngưu, sông Nhuệ, sông Cầu Bây và các hệ thống công trình thủy lợi lớn, quan trọng.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình số 03-Ctr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về *"Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025"*; Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về *"Đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu, giai đoạn 2021 - 2025"*.

9. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo đảm an ninh nguồn nước

- Thực hiện hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia; chủ động tham gia, mở rộng hợp tác quốc tế có hiệu quả về an ninh nguồn nước, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; trong đó, tập trung vào hợp tác trong phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai liên quan đến nước.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong trao đổi, chia sẻ thông tin, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm, chính sách về an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Huy động nguồn lực quốc tế trong thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Thành ủy

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cấp ủy đảng phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy, đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố

Chỉ đạo rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

Chủ động giám sát và chỉ đạo tăng cường giám sát hoạt động của các cấp chính quyền và các đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện Chương trình hành động.

3. Ban cán sự đảng UBND Thành phố

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai Chương trình này, cân đối bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình này; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận số 36-KL/TW trên địa bàn Thành phố.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố

Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Kết luận, phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

5. Các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; phối hợp tham mưu trong việc sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chính sách an ninh nguồn nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương và Chương trình này, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy.

- Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội đối với an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Các cấp ủy đảng trực thuộc và các sở, ban, ngành Thành phố

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy và Ban cán sự đảng UBND Thành phố, tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu sắc nội dung Chương trình, gắn việc thực hiện Chương trình với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, 10 Chương trình công tác lớn của Thành ủy, 5 nhiệm vụ trọng tâm, 3 khâu đột phá của Thành phố và nhiệm vụ chính trị trọng tâm của từng cấp, từng ngành trong từng năm, từng thời gian cụ thể; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW, } (để báo cáo)
- Các ban Đảng và VPTW,
- Ban Thường vụ TU,
- Đảng đoàn HĐND, BCS đảng UBND TP,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH TP,
- Các ban Đảng và VPTU,
- Các sở, ban, ngành TP,
- Các quận, huyện, thị ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Các đ/c Ủy viên UBKT Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thị Tuyền

